

Số: 5149/VPCP-KSTT

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

V/v tích hợp, cung cấp dịch vụ
công trực tuyến cho các TTHC liên
quan đến doanh nghiệp thuộc thẩm
quyền giải quyết của địa phương

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm¹, Chính phủ², Thủ tướng Chính phủ³, căn cứ trên cơ sở kết quả tổng hợp dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tính đến ngày 10 tháng 6 năm 2025, duy nhất Thành phố Hồ Chí Minh hoàn thành 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (*Phụ lục kèm theo*).

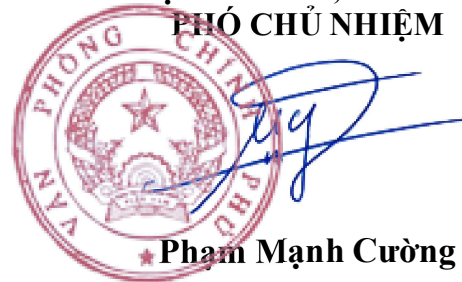
Để bảo đảm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, tiến độ theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ trân trọng đề nghị Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quan tâm, chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc có giải pháp, lộ trình và tập trung hoàn thành tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết liên quan đến doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong năm 2025.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Đồng chí./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTgTT Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (Tổ giúp việc BCĐTW về phát triển KHCN, ĐMST và CDS);
- VPCP: BTCN, PCN Phạm Mạnh Cường, Vụ KGVX;
- Lưu: VT, KSTT(2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Phạm Mạnh Cường

Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

Công điện số 69/CĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục
DANH MỤC TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP
ĐÃ ĐƯỢC TÍCH HỢP, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm theo Công văn số /VPCP-KSTT ngày tháng năm 2025 của Văn phòng Chính phủ)

Trên cơ sở rà soát thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đến ngày 10 tháng 6 năm 2025, kết quả thủ tục hành chính đã tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia cụ thể như sau:

TT	Địa phương	Thủ tục hành chính cho doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
		Số TTHC cho doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết	Số TTHC đã tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Số TTHC còn cần phải tích hợp, cung cấp DVCTT	Tỷ lệ (%) cần phải tiếp tục thực hiện
1	Thành phố Hồ Chí Minh	947	947	0	Đã hoàn thành
2	Tỉnh Vĩnh Long	852	828	24	2,8%
3	Tỉnh Bình Định	907	867	40	4,4%
4	Thành phố Huế	925	850	75	8,1%
5	Tỉnh Cà Mau	935	838	97	10,4%

6	Tỉnh Bình Phước	876	771	105	12%
7	Tỉnh Bắc Ninh	915	795	120	13,1%
8	Tỉnh Lạng Sơn	807	689	118	14,6%
9	Tỉnh Bến Tre	869	735	134	15,4%
10	Tỉnh Bạc Liêu	862	707	155	18%
11	Tỉnh Bắc Giang	947	776	171	18,1%
12	Tỉnh Bình Dương	919	739	180	19,6%
13	Tỉnh Nghệ An	890	710	180	20,2%
14	Tỉnh Quảng Ngãi	926	737	189	20,4%
15	Tỉnh Hải Dương	922	712	210	22,8%
16	Tỉnh Hưng Yên	844	648	196	23,2%
17	Tỉnh Ninh Bình	916	700	216	23,6%
18	Tỉnh Nam Định	844	641	203	24,1%
19	Tỉnh Sơn La	866	651	215	24,8%
20	Tỉnh Ninh Thuận	883	646	237	26,8%
21	Tỉnh Hà Giang	901	659	242	26,9%

22	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	953	676	277	29,1%
23	Tỉnh Lâm Đồng	867	607	260	30%
24	Tỉnh Hòa Bình	901	628	273	30,3%
25	Tỉnh Hà Nam	858	590	268	31,2%
26	Thành phố Đà Nẵng	920	630	290	31,5%
27	Tỉnh Phú Thọ	858	579	279	32,5%
28	Tỉnh Thanh Hóa	972	655	317	32,6%
29	Tỉnh Hậu Giang	866	581	285	32,9%
30	Tỉnh Kon Tum	869	570	299	34,4%
31	Tỉnh Thái Nguyên	921	592	329	35,7%
32	Tỉnh Trà Vinh	880	561	319	36,3%
33	Tỉnh Bắc Kạn	877	550	327	37,3%
34	Tỉnh An Giang	903	557	346	38,3%
35	Tỉnh Long An	875	539	336	38,4%
36	Tỉnh Sóc Trăng	861	530	331	38,4%
37	Tỉnh Hà Tĩnh	1.051	643	408	38,8%

38	Tỉnh Tiền Giang	881	507	374	42,5%
39	Tỉnh Đồng Tháp	788	451	337	42,8%
40	Tỉnh Quảng Ninh	844	478	366	43,4%
41	Tỉnh Đắk Nông	1.159	632	527	45,5%
42	Tỉnh Đắk Lắk	855	455	400	46,8%
43	Tỉnh Quảng Bình	947	487	460	48,6%
44	Tỉnh Tây Ninh	868	440	428	49,3%
45	Tỉnh Khánh Hòa	884	438	446	50,5%
46	Thành phố Hải Phòng	952	468	484	50,8%
47	Thành phố Cần Thơ	882	390	492	55,8%
48	Tỉnh Kiên Giang	924	408	516	55,8%
49	Tỉnh Cao Bằng	867	364	503	58%
50	Tỉnh Lào Cai	927	376	551	59,4%
51	Tỉnh Đồng Nai	979	391	588	60,1%
52	Tỉnh Thái Bình	795	316	479	60,3%
53	Tỉnh Phú Yên	981	388	593	60,4%

54	Tỉnh Tuyên Quang	923	355	568	61,5%
55	Thành phố Hà Nội	891	338	553	62,1%
56	Tỉnh Bình Thuận	876	332	544	62,1%
57	Tỉnh Quảng Trị	953	359	594	62,3%
58	Tỉnh Điện Biên	867	324	543	62,6%
59	Tỉnh Yên Bái	892	312	580	65%
60	Tỉnh Quảng Nam	925	317	608	65,7%
61	Tỉnh Gia Lai	874	278	596	68,2%
62	Tỉnh Lai Châu	914	255	659	72,1%
63	Tỉnh Vĩnh Phúc	805	221	584	72,5%